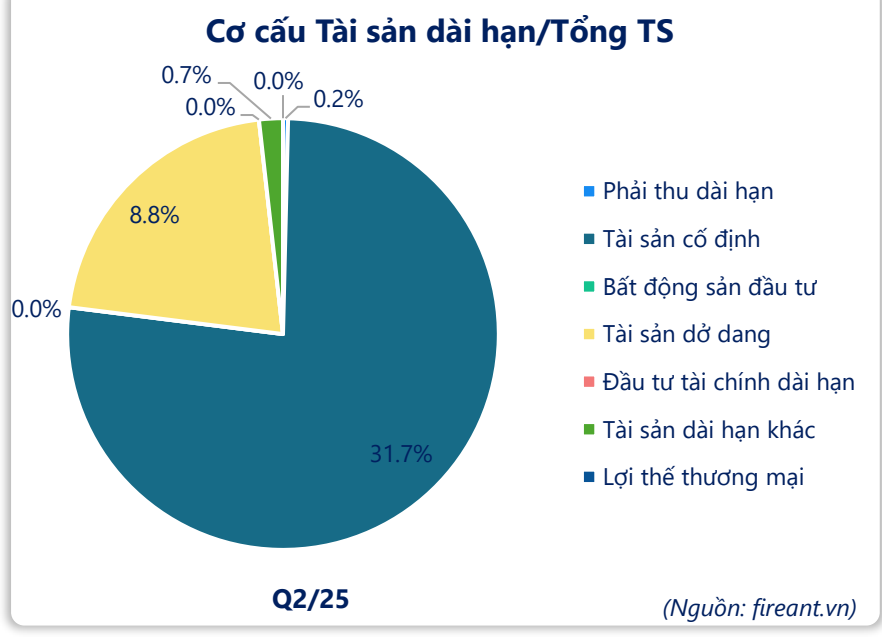
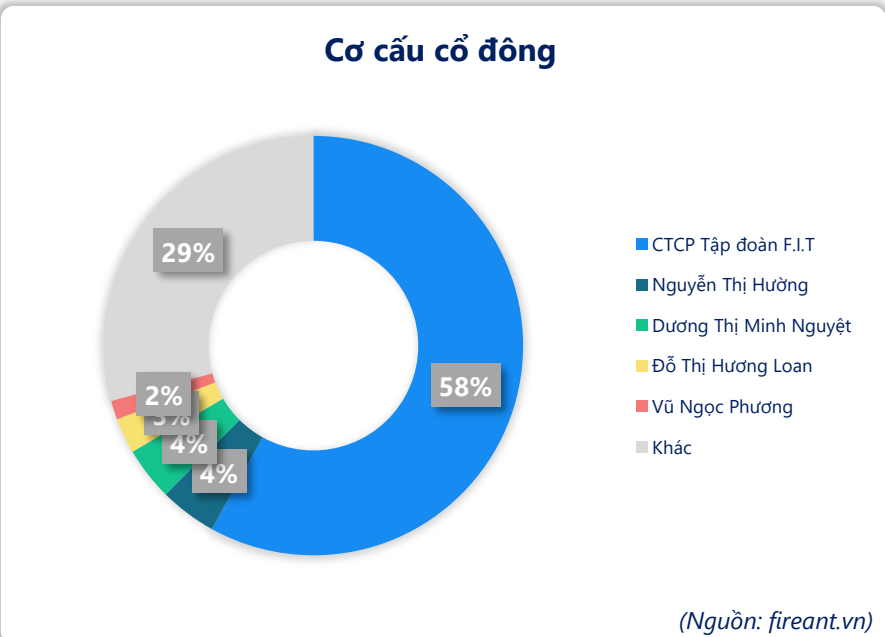
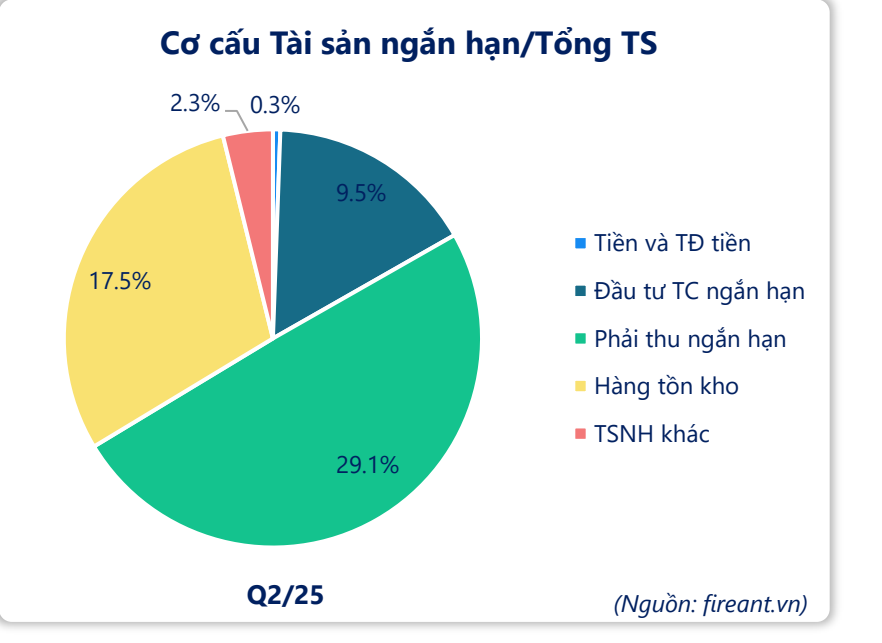
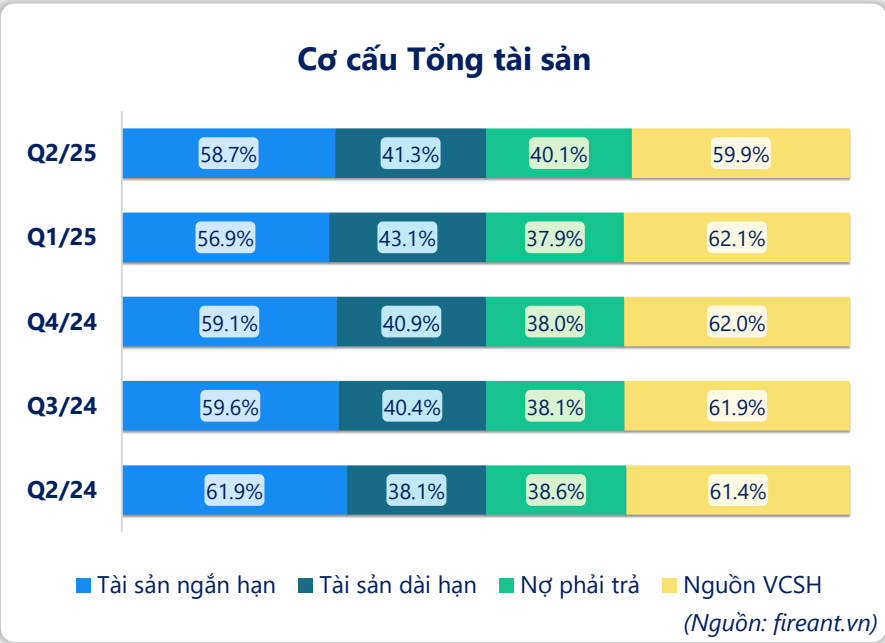
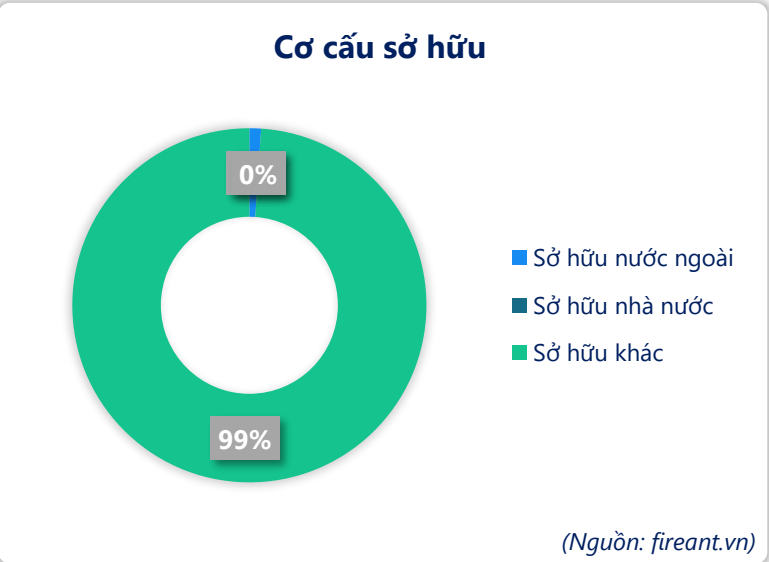
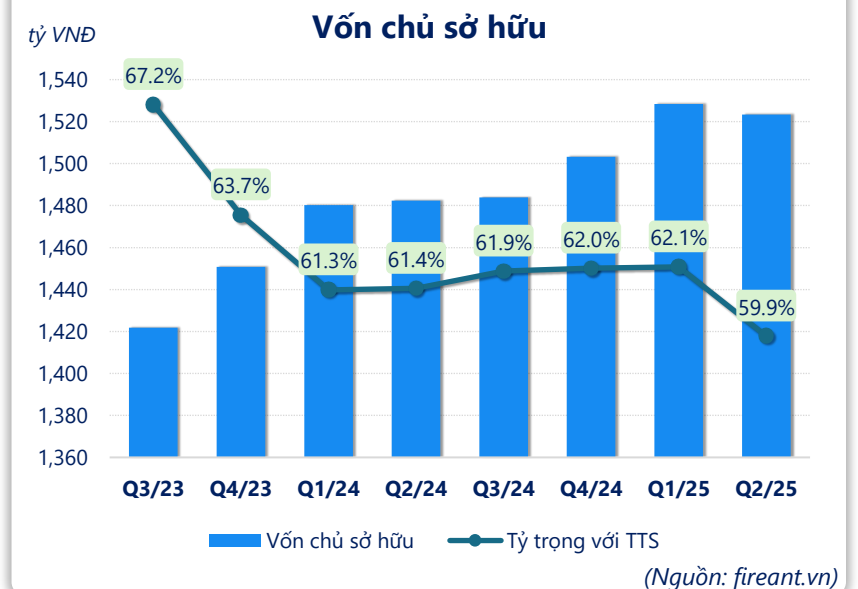
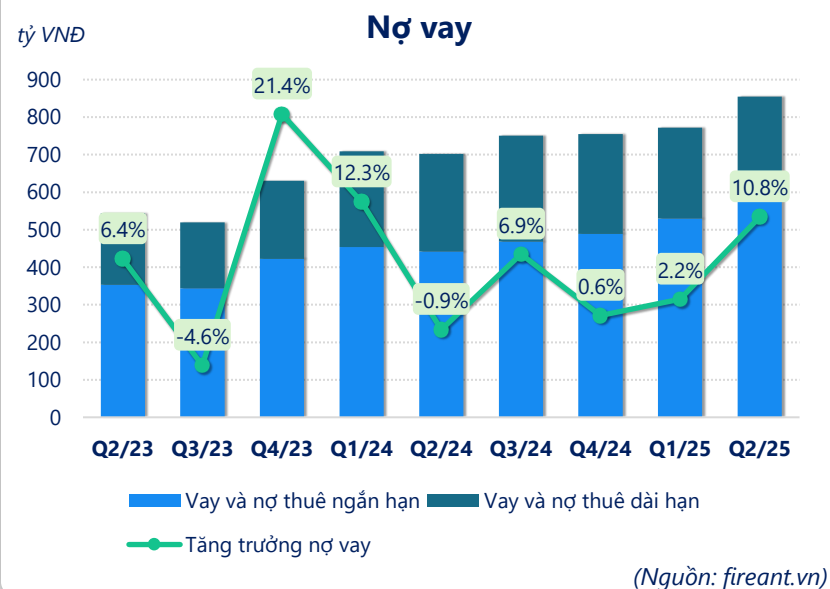
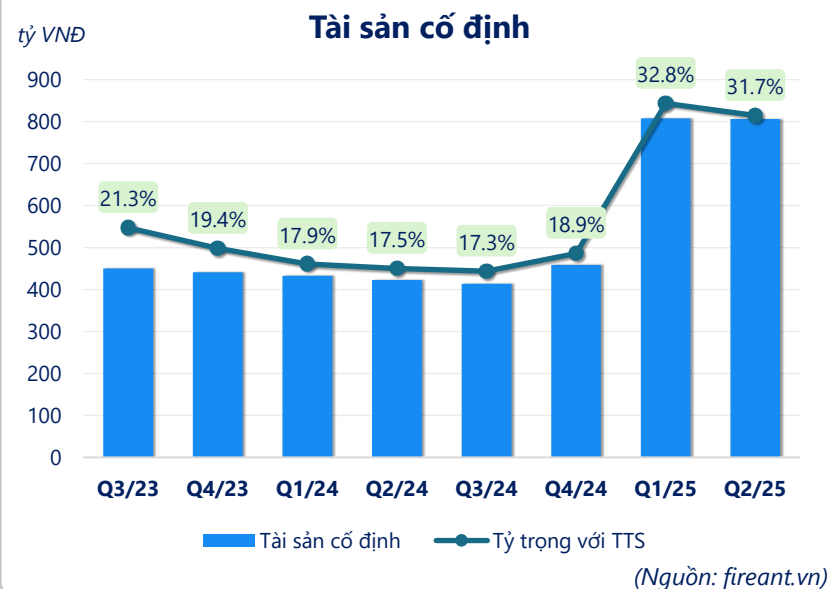
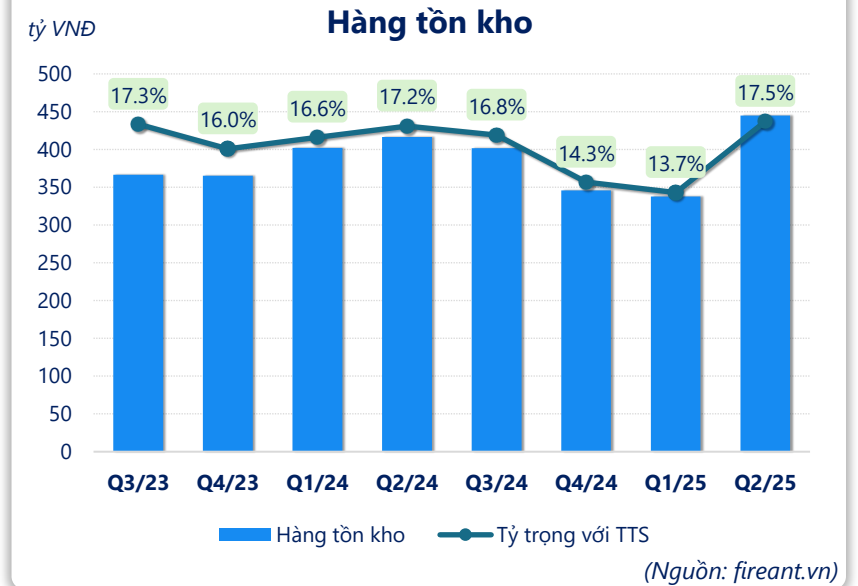
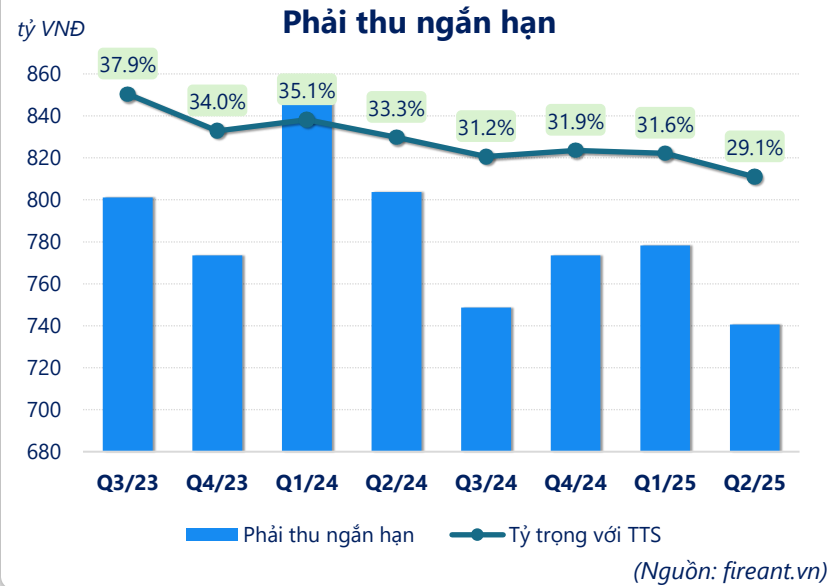
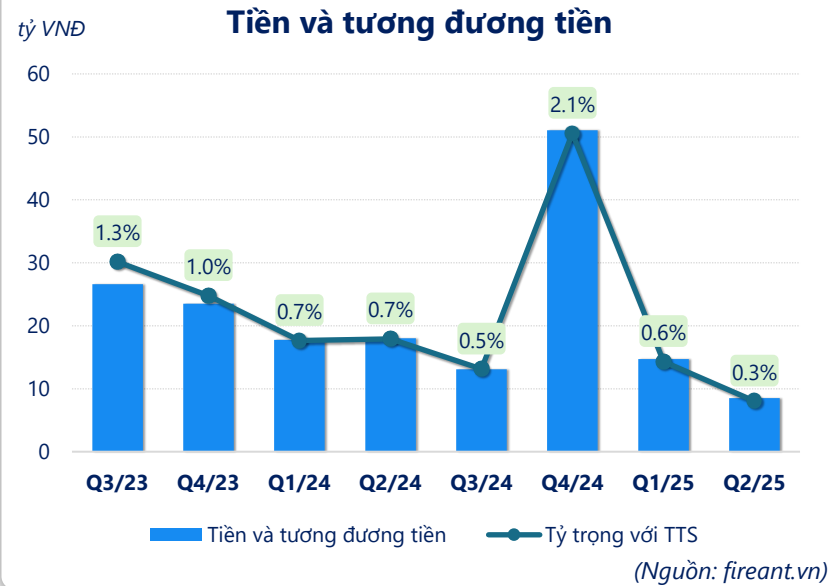
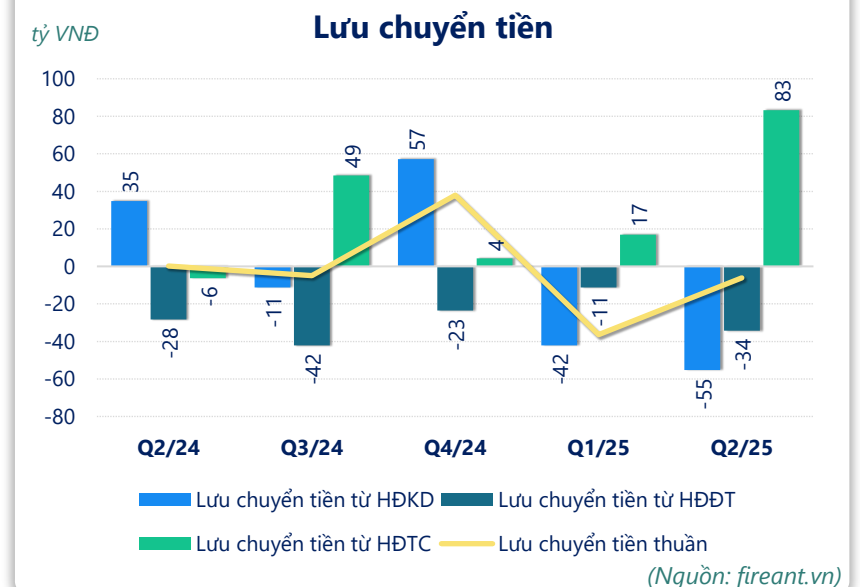
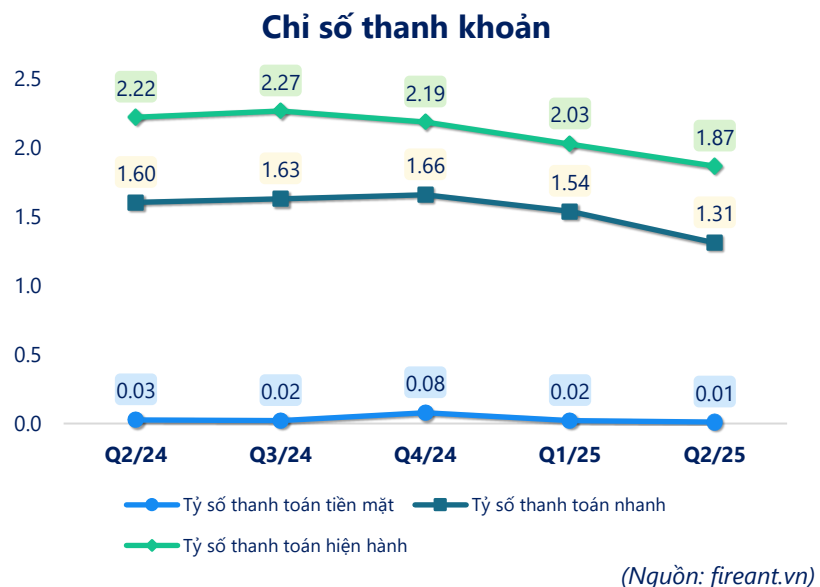
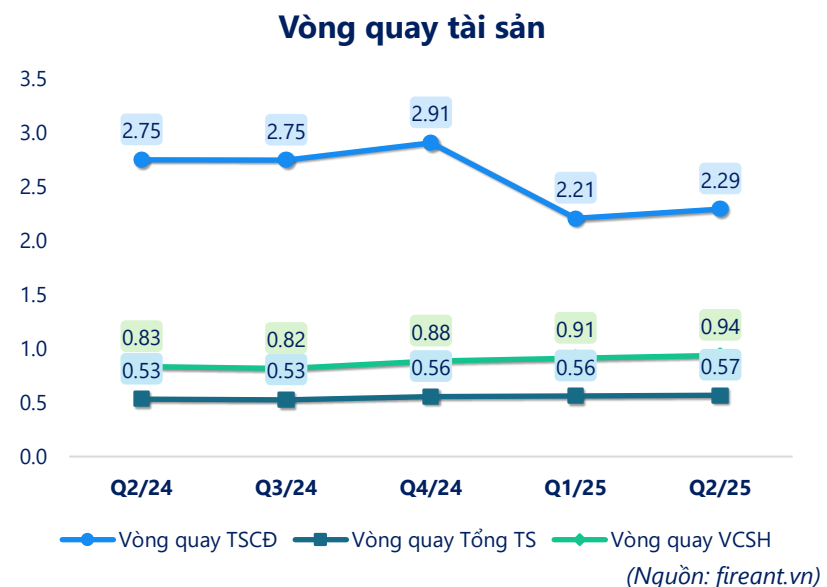
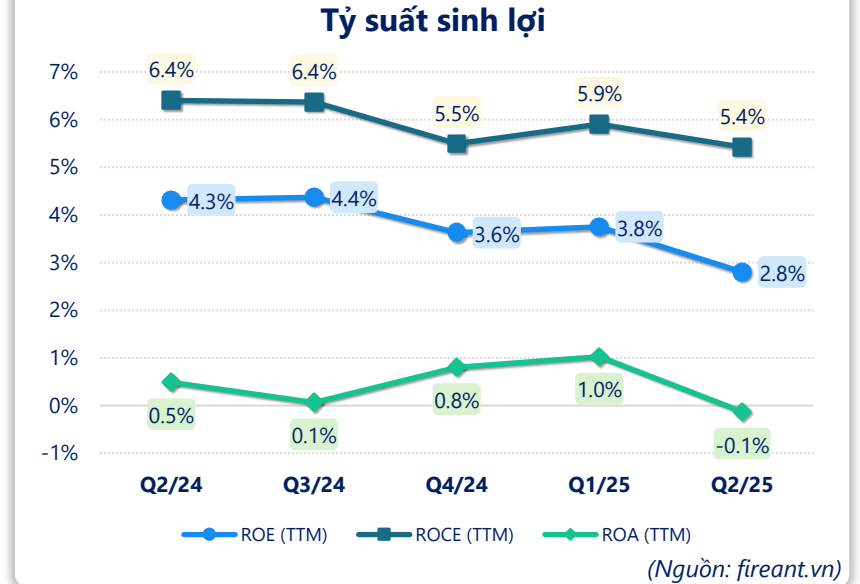
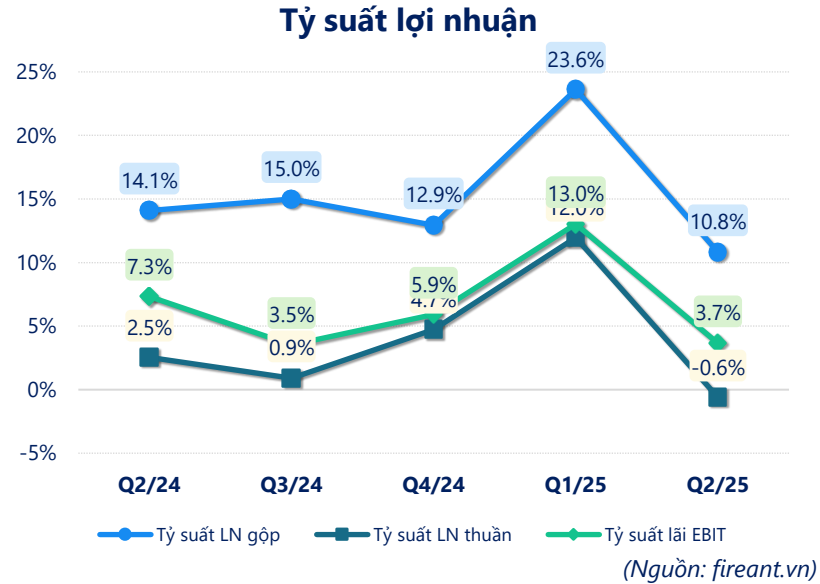
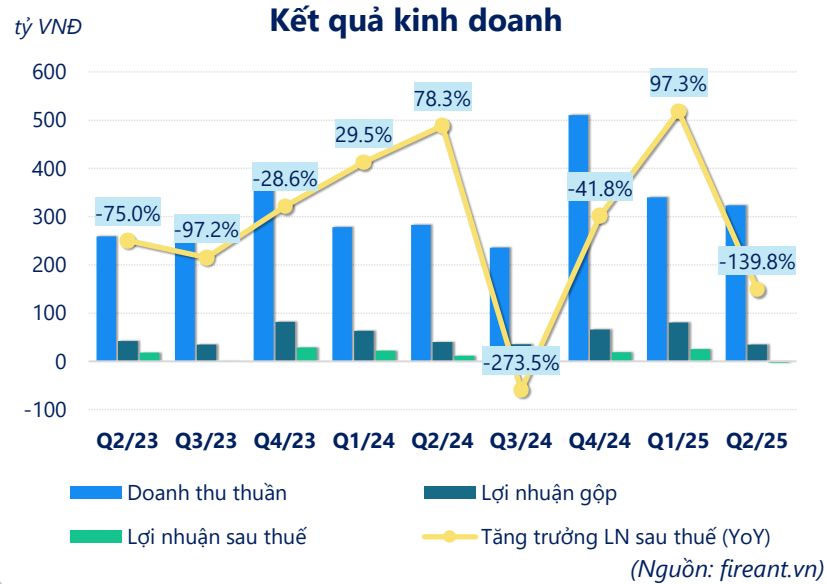


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		23,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,850
SL cổ phiếu LH		73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,237,865
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,680
P/E		39.9
EPS		577

	YTD	1T	3T	6T
DCL	-14.2%	-15.8%	-4.8%	-12.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,545	2,424	5.0%
Tài sản ngắn hạn	1,493	1,432	4.3%
Tiền và tương đương tiền	8.51	51.1	-83.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	242	215	12.6%
Phải thu ngắn hạn	741	774	-4.3%
Hàng tồn kho	445	346	28.7%
Tài sản ngắn hạn khác	57.5	46.8	22.8%
Tài sản dài hạn	1,052	992	6.0%
Phải thu dài hạn	3.98	3.79	5.1%
Tài sản cố định	806	458	75.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	223	514	-56.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	18.7	15.7	19.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,022	921	10.9%
Nợ ngắn hạn	800	655	22.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	633	489	29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	124	105	18.2%
Nợ dài hạn	222	266	-16.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	222	266	-16.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,523	1,503	1.3%
Vốn chủ sở hữu	1,523	1,503	1.3%
Vốn điều lệ	730	730	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	283	236	510	340	323
Giá vốn hàng bán	243	200	444	260	288
Lợi nhuận gộp	39.9	35.4	66.0	80.3	35.0
Doanh thu HĐTC	8.69	8.69	7.94	7.49	8.22
Chi phí TC	6.54	5.99	6.02	10.2	13.7
Chi phí lãi vay	6.45	5.98	6.00	10.1	13.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.7	20.4	29.1	20.5	16.2
Chi phí QLDN	13.2	15.6	14.7	16.4	15.3
LN thuần từ HĐKD	7.15	2.12	24.1	40.7	-1.98
Lợi nhuận khác	7.13	0.20	0.00	-6.51	0.31
LN trước thuế	14.3	2.32	24.1	34.2	-1.66
Lợi nhuận sau thuế	11.2	1.56	19.1	25.2	-3.07
LNST của CĐ cty mẹ	11.1	1.41	18.9	25.0	-3.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.9	-11.3	57.2	-42.1	-55.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-28.3	-42.1	-23.5	-11.2	-34.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.36	48.5	4.24	16.9	83.2
Tiền đầu kỳ	17.7	18.0	13.1	51.1	14.7
Lưu chuyển tiền thuần	0.26	-4.89	38.0	-36.4	-6.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.04	0.02	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	18.0	13.1	51.1	14.7	8.51

(Nguồn: fireant.vn)